
Câu 12: Trình bày khái niệm các công ty đa quốc gia và vấn đề quản lý các công ty này ở cấp độ quốc tế.

Trả lời

Định nghĩa (sử dụng cho câu 10- 11-12)

Định nghĩa tiêu chuẩn của 1 công ty đa quốc gia là 1 công ty: “ Quản lý và kiểm soát các cơ sở sản xuất- các nhà máy- tại ít nhất hai quốc gia” .

Định nghĩa này nhấn mạnh đến 2 khía cạnh quan trọng của các tập đoàn đa quốc gia.

+ Trước tiên, các tập đoàn đa quốc gia đặt nhiều cơ sở sản xuất dưới quyền kiểm soát của 1 cơ cấu doanh nghiệp duy nhất. Do đó, quyền sở hữu của nhiều cơ sở sản xuất là 1 yếu tố quan trọng cốt lõi của 1 tập đoàn đa quốc gia. Nhiều công ty tham gia vào các hoạt động quốc tế, song lại không sở hữu các nhà máy bên ngoài đất nước của họ. Các công ty đó không phải tập đoàn đa quốc gia.

+ Thứ 2, các MNC là các doanh nghiệp đã quốc tế hóa hoạt động của họ: các cơ sở sản xuất mà mỗi MNC sở hữu đặt tại 1 cơ sở hiện có tại 1 quốc gia khác, công ty này đầu tư vào 1 quốc gia đó. Do vậy, các MNC là 1 nguồn vốn nước ngoài quan trọng đối với các nước có chi nhánh của các tập đoàn đa quốc gia.

b) Vấn đề quản lý MNC ở cấp độ quốc tế

Từ năm 1960- 1970:

- Các nước đang phát triển:
 - + Tìm cách tạo ra các quy tắc quốc tế trên phương diện là nhà nhập khẩu vốn
 - + Tìm kiếm sự công nhận quốc tế với việc kiểm soát toàn diện tất cả các hoạt động kinh tế trong lãnh thổ: Nghị quyết liên hợp quốc về chủ quyền lâu dài với TNTN, năm 1962.

+ Lập bộ quy tắc kiểm soát hành vi các tập đoàn: ngăn cản mnc không can thiệp vào công việc nội bộ nước nhận đầu tư, kiểm soát hoạt động kinh tế của mnc trong lãnh thổ để đảm bảo tuân theo mục tiêu phát triển của nc mình, đảm bảo công nghệ và kỹ năng quản lý đc chuyển giao, kiểm soát các khoản lợi nhuận mnc chuyển về nước, khuyến khích tái đầu tư lợi nhuận vào nc tiếp nhận đầu tư.

➔ Kết quả: Các bộ quy tắc được soạn thảo ra đã không bao giờ được thực thi, mặc dù chúng cũng chưa bao giờ bị chính thức bác bỏ. Thay vào đó, các bộ quy tắc này vẫn ở trong tình trạng lập lờng trong 10 năm, cho đến tận năm 1992, một Ủy ban của Liên hợp quốc đã khuyến nghị là chính phủ các nước cần tìm một biện pháp thay thế.

Đầu những năm 1980:

- Các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại được xem xét ở vòng đàm phán Uruguay.

Trong vòng đàm phán này, các nước công nghiệp hóa tiên tiến giảm bớt phạm vi các yêu cầu của họ, tập trung vào bốn biện pháp đầu tư:

- + Các quy định về tỷ lệ nội địa hóa
- + Các biện pháp cân bằng cán cân thương mại
- + Các thực tiễn hoạt động hối đoái hạn chế
- + Các giới hạn đối với khả năng kết nối với các biện pháp khuyến khích đầu tư và các yêu cầu về kết quả xuất khẩu

Đối với các nước đang phát triển:

- + Tự do hóa các chính sách đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài
- + Giảm bớt nhu cầu kiểm soát các hoạt động của các tập đoàn đa quốc gia trên phạm vi rộng

- Thỏa thuận hiệp định đa phương về đầu tư (MAI) và bên trong OECD: nhằm thúc đẩy tự do hóa vốn đầu tư nước ngoài và tạo sự an toàn cho nhà đầu tư, hạn chế chính phủ giới hạn trong việc cho các MNC chuyển lợi nhuận về nước.

Thỏa thuận đa phương về đầu tư (MAI) gồm hai nguyên tắc là đối xử quốc gia và quy chế tối hệ quốc. Nguyên tắc thứ nhất đối xử quốc gia buộc chính phủ các nước phải đối xử với các công ty thuộc sở hữu của nước ngoài đang hoạt động trong nền kinh tế trong nước không khác biệt so với việc đối xử với các công ty trong nước. Nguyên tắc thứ hai, quy chế tối hệ quốc, đòi hỏi chính phủ các nước phải đối xử với các công ty nước ngoài thuộc mỗi nước là thành viên của thỏa thuận này theo các điều kiện mà quốc gia đó đối xử với tất cả các công ty của tất cả các quốc gia thành viên khác của thỏa thuận này. Tuy nhiên, các cuộc đàm phán đã không đạt được kết quả.

➔ Kết quả: đạt được thỏa thuận hạn hẹp trong vòng đàm phán Uruguay

- + Nước đang phát triển: tự do hóa các hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài, giảm cảm giác dân tộc và tức giận chống lại MNCs
- + Nước công nghiệp hóa tiên tiến: giảm bớt phạm vi các yêu cầu của họ, tập trung vào 4 biện pháp đầu tư.

Câu 13: Trình bày các điều kiện của quá trình hội nhập Kinh tế quốc tế của các nước đang phát triển và liên hệ Việt Nam.

Trả lời

Điều kiện của quá trình hội nhập KTQT của các nước đang phát triển

Để hội nhập kinh tế quốc tế thành công, các nước cần tạo lập những điều kiện cần thiết. Những điều kiện cơ bản là:

- Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế: Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố an ninh quốc phòng và đấu tranh có hiệu quả chống âm mưu phá hoại của các

thể lực thù địch. Ổn định về chính trị tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động kinh tế nói chung, cho sự phát triển kinh tế đối ngoại nói riêng.

Ổn định kinh tế vĩ mô bao gồm tăng trưởng kinh tế ổn định, ổn định các chính sách kinh tế, ổn định giá cả và giá trị đồng tiền. Từ đó, giảm các rủi ro trong đầu tư, tăng hiệu quả đầu tư, các doanh nghiệp sẽ mở rộng đầu tư và các hoạt động kinh tế khác.

- Xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế. Tạo môi trường thuận lợi cho việc thực hiện các quan hệ kinh tế đối ngoại, các hợp đồng với người nước ngoài giúp họ yên tâm kinh doanh, đồng thời cũng là cơ sở pháp lý để bảo vệ lợi ích của đất nước, của người lao động.

- Xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng vật chất và xã hội: hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, dịch vụ, hệ thống điện nước, trường học, bệnh viện..

- Đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm thiểu chi phí giao dịch cho người dân và cho doanh nghiệp, mở rộng các quan hệ giao lưu trong và ngoài nước, thúc đẩy hội nhập.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, hoàn thiện tổ chức, bộ máy thực thi hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế. Đây là nhân tố quyết định thành công sự nghiệp hội nhập kinh tế quốc tế. Đội ngũ cán bộ này vừa phải có phẩm chất tốt, trung thành với lợi ích của đất nước, vừa phải có năng lực, tinh thông nghiệp vụ. Tổ chức, bộ máy phải linh hoạt, hiệu quả mới đáp ứng được các yêu cầu của sự nghiệp hội nhập.

Liên hệ với Việt Nam

Để hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã thực hiện các đường lối đổi mới như:

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính. Trong lĩnh vực kinh tế, với hàng loạt chính sách đổi mới thể chế kinh tế như hình thành nền kinh tế nhiều thành phần, xây dựng nền kinh tế có bước phát triển mới về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và hội nhập kinh tế quốc tế.

Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn, trong đó ưu tiên vốn tập trung đầu tư cho những trục giao thông xương sống của quốc gia, có vai trò kết nối vùng tới các trung tâm kinh tế lớn, các đầu mối giao thông cửa ngõ, các cảng biển, cửa khẩu quan trọng đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH của đất nước. Hệ thống quốc lộ được mở rộng và xây dựng mới những tuyến có nhu cầu vận tải lớn, như Quốc lộ 1 từ Hà Nội đến Cần Thơ, đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên. Bên cạnh đó, tiếp tục đầu tư đường ven biển, đường tuần tra biên giới theo quy hoạch được duyệt.

Câu 14: Trình bày tính tất yếu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của các nước đang phát triển và liên hệ Việt Nam

Trả lời

Trong lịch sử phát triển của mình, các nước đang phát triển đã tham gia vào quá trình toàn cầu hóa ngay từ giai đoạn đầu tiên và đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển này.

Ngày nay bối cảnh quốc tế và của mỗi nước đã có những thay đổi quan trọng. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại đã và đang là xu hướng tất yếu đối với tất cả các nước đang phát triển. Tính tất yếu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của các nước đang phát triển thể hiện ở:

- Việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại bắt đầu từ yêu cầu của quy luật về sự phân công và hợp tác quốc tế giữa các nước, từ sự phân bố tài nguyên thiên nhiên và sự phát triển không đều về trình độ phát triển kinh tế - kỹ thuật giữa các quốc gia dẫn đến xu thế hợp tác kinh tế để sử dụng có hiệu quả nguồn lực của mỗi quốc gia.

- Cuộc cách mạng khoa học- công nghệ hiện đại làm quá trình khu vực hóa, quốc tế hóa đời sống kinh tế trở thành xu hướng tất yếu của thời đại. Một mặt, cuộc cách mạng này làm phát triển lực lượng sản xuất vượt ra khỏi khuôn khổ quốc gia và mang tính quốc tế, hình thành thị trường quốc tế, giá cả quốc tế. Một mặt, nó tạo điều kiện thúc đẩy quá trình quốc tế hóa đời sống kinh tế, làm cho phân công lao động, hợp tác quốc tế giữa các nước ngày càng phát triển.

- Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước về nhiều mặt như nguyên liệu, kỹ thuật, công nghệ... ngày càng tăng. Đồng thời mỗi nước có những lợi thế riêng cần phải khai thác tối đa cả lợi thế nhờ quy mô, lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh của mình để phát triển bền vững.

- Toàn cầu hóa làm xuất hiện chuẩn mực chung: kết cấu hạ tầng sản xuất quốc tế và chi phí sản xuất quốc tế, giá cả quốc tế, thị trường quốc tế, chất lượng quốc tế. Đó là những điều kiện vật chất- kỹ thuật để rút ngắn khoảng cách địa lý, không gian, thời gian giữa các quốc gia. Từ đó thúc đẩy quá trình hiện đại hóa của các quốc gia.

Như vậy, các nước đang phát triển mở cửa hội nhập; phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại nhằm khai thác có hiệu quả các nguồn lực quốc tế và trong nước là một tất yếu khách quan.

b) Liên hệ Việt Nam

Cùng với việc thiết lập quan hệ ngoại giao với một loạt nước, Việt Nam đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, mở đầu bằng hội nhập khu vực: gia nhập ASEAN và ngay sau đó tham gia AFTA (Liên minh kinh tế ASEAN) năm 1995, tiếp đó hội nhập liên khu vực, liên châu lục thông qua việc tham gia ASEM năm 1996 với tư cách là một thành viên sáng lập và tham gia APEC năm 1998. Đồng thời từ đầu năm 1996, Việt Nam đã bắt đầu đàm phán với Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và sau 10 năm

đàm phán căng thẳng, ngày 01/01/2007, Việt Nam trở thành thành viên chính thức thứ 150 của Tổ chức kinh tế toàn cầu này.

Bên cạnh việc tham gia liên kết kinh tế song phương và đa phương như đã nêu trên, trong những năm qua, Việt Nam cũng đồng thời tham gia vào các liên kết kinh tế tiểu vùng như Lưu vực Mêkông mở rộng (GMS), Hành lang Đông Tây (WEC), Tam giác phát triển Việt Nam-Lào-Campuchia...

Cho đến hiện nay, Việt Nam đã mở rộng quan hệ ngoại giao với 181 nước trên thế giới và có quan hệ kinh tế thương mại với 230 nước và vùng lãnh thổ.

Như vậy, HNKTQT của Việt Nam là một tiến trình từng bước từ thấp đến cao diễn ra trên cả phương diện đơn phương, song phương và đa phương, lồng ghép các phạm vi tiểu vùng, khu vực, liên khu vực và toàn cầu, diễn ra trên hầu hết các lĩnh vực gồm hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ...

Câu 17: Phân tích điều kiện để phát triển bền vững ở các nước đang phát triển.

Trả lời

1. Tạo lập môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế thị trường.

- Hoàn thiện môi trường pháp luật theo hướng hội nhập
 - Cần có những quy định pháp luật nhằm bảo đảm sự minh bạch về sở hữu, quyền dân sự của công dân. Để đảm bảo các quyền này cần xây dựng ba cơ chế: cơ chế xác lập quyền, cơ chế thực hiện quyền và cơ chế bảo vệ quyền.
 - Pháp luật bảo vệ môi trường cần được xây dựng theo chuẩn mực quốc tế.
 - Các quy định của pháp luật và chính sách kinh tế cần đặc biệt chú trọng tới lợi ích và đời sống của nông dân.
 - Luật pháp của mỗi nước phải phù hợp với thông lệ và luật pháp quốc tế. Để thực hiện điều này cần thay đổi tư duy về lập pháp, hạn chế tối đa lạm dụng quyền lực của chính quyền và phải tích cực bảo vệ quyền của người dân.
 - Tổ chức thực thi luật pháp nghiêm minh.
- Giữ vững ổn định chính trị xã hội. Đây là điều kiện cần thiết hàng đầu cho sự phát triển của kinh tế thị trường và phát triển của mỗi quốc gia.
- Tạo lập môi trường kinh tế cho doanh nghiệp hoạt động hiệu quả. Môi trường kinh tế trước hết bao gồm hệ thống kết cấu hạ tầng của nền kinh tế: hệ thống đường xá, cầu công, hệ thống thông tin liên lạc. Các nước đang phát triển cần phải huy động tối đa những nguồn lực có thể để xây dựng, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng càng sớm càng tốt. Ngoài ra việc ban hành các chính sách kinh tế- xã hội cũng phải cân nhắc và điều chỉnh kịp thời để đảm bảo lợi ích doanh nghiệp, tổ chức.
- Xây dựng môi trường văn hóa- giáo dục. Môi trường này dựa trên trình độ dân trí, trình độ văn minh mà xã hội đã đạt được, trình độ lành nghề và các kỹ năng của những người lao động...
- Đẩy mạnh cải cách hành chính: xây dựng 1 nền hành chính trong sạch, vững mạnh, hiệu quả tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho sự phát triển kinh tế xã hội.

Cải cách được thể hiện ở: cải cách thể chế, cải cách bộ máy, xây dựng đội ngũ công chức quản lý nhà nước và quản lý tài chính công.

- Đẩy nhanh cải cách doanh nghiệp nhà nước theo định hướng thị trường.
- củng cố, mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị giữa các nước.

2. Phát triển kinh tế tri thức.

Trong nền kinh tế tri thức, khoa học công nghệ phát triển hết sức nhanh chóng, tri thức trở thành nguồn lực chủ yếu trong việc tạo ra của cải. Những ngành kinh tế dựa chủ yếu vào tri thức và công nghệ cao như: công nghệ thông tin, công nghệ năng lượng vật liệu mới, công nghệ sinh học.. trở thành nền tảng kinh tế. Vì vậy, để phát triển kinh tế tri thức ở các nước đang phát triển hiện nay, các nước cần: chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học công nghệ, xây dựng xã hội học tập...

3. Xây dựng nhà nước pháp quyền

Phát triển bền vững đòi hỏi phải có sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế thị trường và để phát huy vai trò của kinh tế thị trường và của chính mình, nhà nước chỉ nên can thiệp nhằm khắc phục các khuyết tật của kinh tế thị trường, tạo lập môi trường để các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

- Nhà nước phải hành xử dựa vào pháp luật và tuân thủ pháp luật.
- Các quyền của công dân phải được tôn trọng, bảo vệ và thực hiện.
- Hoạt động của các cơ quan nhà nước cần được kiểm tra, giám sát đầy đủ và hữu hiệu.

Trong dài hạn, chính phủ cần:

- Xây dựng hệ thống quy phạm pháp luật đồng bộ và minh bạch.
- Xây dựng hệ thống thực thi luật pháp hiệu quả và công bằng.
- Hoàn thiện bộ máy nhà nước:
 - + Xây dựng chính phủ chuyên nghiệp
 - + Làm trong sạch bộ máy chính phủ, cần loại bỏ những người không đủ năng lực và phẩm chất ra khỏi bộ máy.
- Hoàn thiện các công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô: pháp luật, hành chính, kinh tế, kế hoạch hóa, tài chính, tiền tệ.

4. Đảm bảo sự hài hòa giữa thể chế chính trị, xã hội với thể chế kinh tế

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường:
 - Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách cần được bổ sung đầy đủ, đảm bảo tính đồng bộ thống nhất.
 - Phân định làm rõ hơn mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường.
 - Hoàn thiện thể chế sở hữu, thể chế phân phối, lấy kinh tế xã hội làm thước đo mức độ hoàn thiện thể chế kinh tế.
- Đổi mới thể chế chính trị, xã hội phù hợp với thể chế kinh tế:
 - Giữ vững ổn định về kinh tế chính trị xã hội. Tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế thị trường phát triển rút ngắn và bền vững.

- Đổi mới thể chế chính trị phải góp phần xây dựng cùng cố thể chế xã hội, khai thác hiệu quả các nguồn lực, tạo sự đồng thuận xã hội.

5. Đảm bảo hài hòa giữa các lợi ích của các tầng lớp dân cư

Nhà nước phải tạo được môi trường pháp luật thông thoáng, hợp lý, bảo vệ được lợi ích chính đáng của các chủ thể kinh tế và các chính sách điều tiết hợp lý, công bằng.

Câu 18: Phân tích nội dung phát triển bền vững của các nước Đang phát triển.

Trả lời

Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng những nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng phát triển của các thế hệ tương lai. Nội dung của phát triển bền vững ở các nước Đang phát triển được thể hiện trên 3 lĩnh vực chính:

- *Bền vững về kinh tế:*

+ *Một là*, tăng trưởng kinh tế cao và ổn định: Tăng trưởng nhanh là yêu cầu quan trọng đầu tiên, đặc biệt trong điều kiện điểm xuất phát về kinh tế thấp kém. Tuy nhiên, kinh tế thị trường lại phát triển theo chu kỳ, sau một thời kỳ tăng trưởng nhanh nền kinh tế lại rơi vào suy thoái, thậm chí khủng hoảng. Do đó, duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định là hết sức cần thiết nhưng kinh tế thị trường lại không có khả năng thực hiện điều này.

Việc duy trì tăng trưởng ở mức cao không chỉ đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng dân số và quy mô tiêu dùng tăng, nhu cầu sản xuất tăng mà còn là con đường để rút ngắn khoảng cách với các nước khác.

Tính ổn định của tăng trưởng vừa thể hiện năng lực sản xuất ổn định, khả năng bảo đảm nguồn lực cho tăng trưởng và khả năng chống chịu được với những biến động bên trong và bên ngoài nền kinh tế.

Bên cạnh đó, tăng trưởng cần đảm bảo chất lượng cao, tức là tăng trưởng theo chiều sâu, tăng trưởng gắn liền với việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

+ *Hai là*, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ: Đối với các nước ĐPT, cơ cấu chuyển dịch kinh tế theo hướng tiến bộ có nghĩa là tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ trong GDP và giảm dần tỷ trọng lao động nông nghiệp; tăng tỷ trọng các sản phẩm chế biến sâu, giảm tỷ trọng hàng xuất khẩu sơ chế.

- *Bền vững về Xã hội:*

+ *Một là*, tạo việc làm: trong nền kinh tế thị trường, thu nhập là điều kiện cần để người dân có phương tiện mở rộng cơ hội lựa chọn và nâng cao năng lực lựa chọn của mình. Thu nhập của dân cư lại phụ thuộc vào một nhân tố rất quan trọng là việc làm. Vì vậy, tạo các cơ hội việc làm mang lại thu nhập cho người dân là một trong những mục tiêu mà các quá trình tăng trưởng phải tính đến.

+ *Hai là*, xóa đói giảm nghèo: Nghèo đói có nhiều nguyên nhân như rủi ro bệnh dịch đối với con người, vật nuôi, cây trồng; sự thiếu hụt các nguồn lực sản xuất hay vì

điểm xuất phát về kinh tế quá thấp, không đủ các điều kiện cần thiết cho sản xuất và đời sống..

Nghèo đói gây ra những hậu quả xã hội rất nặng nề như : một bộ phận dân cư không được thụ hưởng những thành quả cầu tăng trưởng kinh tế, không có điều kiện để phát triển về thể chất và tinh thần; gia tăng các tệ nạn xã hội...Do đó, XDGN trở thành đòi hỏi bức bách để phát triển bền vững về xã hội. XDGN còn do mục tiêu phát triển phải vì con người.

+ *Ba là*, phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục thể thao: Con người không chỉ cần được thỏa mãn nhu cầu vật chất, mà cả nhu cầu tinh thần, được chăm sóc sức khỏe, được khỏe mạnh. Xã hội càng phát triển, nhu cầu được hưởng thụ những giá trị tinh thần càng cao; nhu cầu được chăm sóc sức khỏe, được nâng cao thể lực cũng càng lớn. Ở các nước ĐPT hiện nay, việc theo đuổi các mục tiêu kinh tế có thể dẫn đến sự chú ý không đúng mức, thậm chí phát triển lệch lạc về văn hóa, xã hội. Bởi vậy, phát triển bền vững còn phải phát triển văn hóa, y tế, giáo dục và thể dục thể thao.

+ *Bốn là*, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội: tạo việc làm và tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo không chỉ là vấn đề xã hội gắn với quyền được làm việc, gắn với an sinh xã hội mà còn là những vấn đề cơ bản, gắn với sử dụng nguồn lực. Hơn nữa, nếu phát triển kinh tế nhưng không bảo đảm được công bằng và tiến bộ xã hội thì không thể vững chắc được. Đây là mục tiêu phát triển cơ bản của các quốc gia.

Bền vững về môi trường

+ *Một là*, Phát triển kinh tế gắn với sử dụng hiệu quả và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên: Trước hết, phát triển kinh tế cần gắn với việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực. Điều này có ý nghĩa là việc phát triển và tăng trưởng kinh tế không nên dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu nguyên liệu và sản phẩm sơ chế, mà cần gắn với quá trình giảm tiêu hao nguyên, nhiên liệu; giảm chi phí trung gian, tăng tỷ trọng các yếu tố phi vật thể trong giá thành sản phẩm, tăng giá trị gia tăng trong sản phẩm.

+ Bảo vệ môi trường sinh thái: Phát triển kinh tế cần gắn với bảo vệ, nuôi dưỡng và cải thiện môi trường sinh thái theo hướng : bảo vệ rừng và trồng rừng, bảo vệ nguồn tài nguyên nước, bảo vệ nguồn thủy sản, thay thế nguyên, nhiên liệu truyền thống bằng nguyên nhiên liệu mới, đổi mới công nghệ theo hướng sản xuất phải thân thiện với môi trường, kiểm soát ô nhiễm.